

Bản án số: 10/2025/HC-PT
Ngày: 26 - 3 - 2025
V/v khiếu kiện quyết định xử lý
vi phạm hành chính về quản lý
đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Phúc
Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 2598/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3573/2025/QĐPT-HC ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Quang Tuấn Th, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 194B đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Tr (hoặc) bà Trần Thị Ngọc Y; Địa chỉ liên hệ: 441/17 đường Đ, Phường 25, quận B, Thành phố H (Theo Hợp đồng ủy quyền số 18354 quyền số 10/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2024 lập tại Văn phòng Công chứng B) (Ông Trần Đình Tr, bà Trần Thị Ngọc Y có mặt)

2. Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H

Địa chỉ: Số 239 đường P, khu phố 4, phường P, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh Đ - sinh năm 1985; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/8/2024 và ngày 28/8/2024) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 239 đường P, khu phố 4, phường P, thành phố T, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Huy A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quang Tuấn Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 194 đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, Thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền số 001126 ngày 30/01/2024 lập tại Văn phòng Công chứng N) (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Quang Tuấn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và Biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Quang Tuấn Th trình bày: Ông Quang Tuấn Th khởi kiện đề nghị hủy các văn bản sau: Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 28/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th; Quyết định cưỡng chế số 293/QĐ- CCXP ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; và Thông báo số 19/TB-UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố H về thẩm tra nguồn gốc khu đất ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm cọc mốc để chiếm dụng tại khu phố L, phường P. Với lý do sau:

Về nguồn gốc đất có công trình vi phạm theo ông Th vào năm 2003 ông Nguyễn Huy A có chuyển nhượng phần đất tại thửa đất số 341 tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận số 00182 QSDĐ số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/1995 do huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị C. Ông A chuyển nhượng mà không sang tên được do chính sách luật đất đai thời điểm này phải là dân địa phương hay phải có sổ hộ nông nghiệp thì mới được sang tên mua bán đất nông nghiệp, vì vậy ông A chỉ mua đất viết giấy tay và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2005 ông Nguyễn Huy A nhờ ông Quang Văn N và bà Bùi Thị Kim M là cha mẹ ruột của ông Quang Tuấn Th đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị C, cập nhật biên động sang tên bà M và ông N ngày 06/9/2005, thửa đất số 341 có diện tích 5.042m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C324182, sổ vào sổ cấp giấy 00182QSDĐ/263/QĐ.UBND ngày 01/8/2005.

Sau khi sang tên đăng bộ xong vợ chồng bà M đi đăng ký tại địa chính phường để lên đất vườn, phường có tiến hành đo đạc lại toàn bộ khu đất và thửa phía trước không nằm trong giấy chứng nhận thì ông N và bà M kê khai tên ông Nguyễn Huy A theo tài liệu 2003.

Năm 2007 ông A bán phân nửa khoảng 3.000m² phần còn lại và thửa phía trước không bán, thửa phía trước số 89 tờ bản đồ 26 theo TL 2003 mới, thời gian sau ông A bán phần còn lại trong sổ và ông Th có xin mua lại thửa 89 phía trước, thời điểm này phía trước là rạch không có đường đi.

Đến năm 2008 gia đình ông Th có làm cây cầu bắc qua rạch, sau thì sửa lên là cầu bê tông và canh tác trồng cây cho ông A từ đó cho đến nay, khu đất có sang lấp và trồng cây theo hiện trạng hiện nay.

Năm 2020 ông Thh phát hiện có người cắm cọc xi măng qua đất của ông A nên ông đã thuê Phòng Tài nguyên Môi trường về phân ranh cắm mốc lại khu đất.

Đến ngày 14/8/2023, ông Nguyễn Huy A đã nhượng quyền canh tác lại cho gia đình ông Th theo giấy cam kết, có chứng thực của văn phòng công chứng Nguyễn Đ về chữ ký của ông A.

Ngày 17/01/2024, Ủy ban nhân dân phường P có mời ông đến làm việc và có lập biên bản làm việc.

Ngày 23/01/2024, UBND phường P ban hành Thông báo số 19/TB-UBND về thẩm tra nguồn gốc khu đất cho rằng ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm cọc mốc để chiếm dụng tại khu phố L, phường P. Ông A chiếm dụng đất từ năm 1994 đến trước năm 2003 là không có căn cứ, vì từ trước năm 2003 ông A chưa mua đất.

Sau đó ngày 28/02/2024, Chủ tịch UBND phường P ban hành quyết định xử phạt hành chính buộc ông Th tháo cổng rào đi vào thửa đất 341, tờ bản đồ số 7 (thửa đất này không có lối đi vào).

Ông Quang Tuấn Th xác định ông và ông A không lấn chiếm đất của ai, đất có kê khai nguồn gốc rõ ràng, thửa 89 tờ 26 do ông Nguyễn Huy A đứng tên theo tài liệu 2003, ông A đã nhượng lại cho gia đình ông Th canh tác đúng pháp luật do đó ông đề nghị hủy ba văn bản nêu trên.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Thanh Đ, trình bày:

1. Pháp lý khu đất qua các tài liệu bản đồ lưu trữ tại phường

Diện tích khu đất ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm ranh đất 607.2m², vị trí thể hiện theo bản vẽ sơ đồ nhà đất số 19-26/PG-2023 do Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng đo đạc P lập ngày 7/8/2023, thuộc một phần thửa số 89, tờ bản đồ số 26, tài liệu năm 2003, phường P, thành phố T. Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại phường và các tài liệu ông Quang Tuấn Th cung cấp, Ủy ban nhân dân phường P xác định như sau.

- Tài liệu trước sau năm 1975: không xác định.
- Tài liệu 299 năm 1983 khu đất thuộc một phần thửa số 532, 533, tờ bản đồ số 3, do tập đoàn 2 trực tiếp quản lý.
- Tài liệu 02 năm 1994 thuộc rạch, tờ bản đồ số 7, do nhà nước trực tiếp quản lý.
- Tài liệu kê khai nhà đất 3376, năm 1999: không kê khai.
- Tài liệu bản đồ địa chính năm 2003 do ông Nguyễn Huy A đăng ký kê khai khi lập bản đồ, thuộc một phần thửa số 89, tờ bản đồ số 26, khu phố L, phường P.

Căn cứ các tài liệu nêu trên, Ủy ban nhân dân phường xác định ông Nguyễn Huy A đã chiếm dụng, sử dụng khu đất do nhà nước trực tiếp quản lý, thời điểm từ sau năm 1996 (thời điểm cấp giấy cho bà Nguyễn Thị C) đến trước năm 2003, sau đó chuyển nhượng giấy tay cho người khác, sau cùng là ông Quang Tuấn Th là trái quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân phường không có hồ sơ lưu về quá trình sử dụng đất, hồ sơ kê khai đóng thuế đất nông nghiệp đối với ông Nguyễn Huy A đối với phần đất này. Khoảng tháng 8/2023, ông Quang Tuấn Th tiếp tục tổ chức đo vẽ hiện trạng và đồng thời cắm cọc mốc, xác định ranh khu đất, rào cổng, xác lập quyền sử dụng khu đất, nhằm tạo phát sinh tranh chấp, hạn chế ra vào đối với các chủ sử dụng các thửa đất liền kề.

2. Quá trình xem xét giải quyết, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Quang Tuấn Th.

Ngày 20/11/2023, bà Nguyễn Thị Thu Th có đơn khiếu nại về có người chặn, khóa cổng không cho vào khu đất bà Th có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự ý đóng cọc ranh đất, làm hàng rào, che chõm khu đất có nguồn gốc là rạch theo tài liệu 02, liền kề với khu đất của bà Th. Đất của bà Th có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc được cấp cho bà Nguyễn Thị C năm 1996, năm 2005 chuyển nhượng lại cho ông Quang Văn N và bà Bùi Thị Kim M (cha mẹ ông Quang Tuấn Th). Năm 2010, ông Quang Văn N và bà Bùi Thị Kim M chuyển nhượng lại toàn bộ cho người khác và trong đó bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần đất này.

Sau khi kiểm tra, xác minh, ngày 17/1/2024, Ủy ban nhân dân phường có mời ông Quang Tuấn Th, địa chỉ thường trú số 194B đường L, khu phố 3 (trước là khu phố L), phường P, thành phố T để làm việc và yêu cầu cung cấp hồ sơ liên quan đến sự việc nêu trên.

Ngày 23/01/2024, Ủy ban nhân dân phường ban hành Thông báo số 19/TB- UBND về thăm tra nguồn gốc khu đất ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm mốc để chiếm dụng, tại khu phố 3 (trước là khu phố L), phường P, nội dung thăm tra nguồn gốc đất thể hiện cụ thể tại mục 1 văn bản này. Qua đó, Ủy ban nhân dân phường P yêu cầu ông Quang Tuấn Th thực hiện tháo, di dời toàn bộ các cọc đã cắm, tháo rào cổng ra khỏi vị trí khu đất trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này.

Ngày 28/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th với hành vi gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác, quy định tại khoản 1, Điều 16, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hình thức xử phạt hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Các biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 11/3/2024, Ủy ban nhân dân phường P có nhận được Văn bản số 661/TCD-XLĐ ngày 07/3/2024 của Ban tiếp Công dân thành phố T về xử lý đơn của công dân, nội dung khiếu nại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P đối với ông Quang Tuấn Th.

Ngày 24/4/2024, Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Quang Tuấn Th (lần đầu). Giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th.

Ngày 24/4/2024, Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 293/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Quang Tuấn Th.

Ngày 03/5/2024, Ủy ban nhân dân phường P xây dựng Kế hoạch số 131/KH-UBND về tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm do ông Quang Tuấn Th gây ra, vị trí thuộc một phần thửa đất số 89, tờ bản đồ số 26, theo tài liệu bản đồ 2003, khu phố 3 (khu phố L), phường P. Ngày dự kiến cưỡng chế ngày 10/5/2024. Ngày 03/5/2024, Ủy ban nhân dân phường P nhận được Thông báo số 04/2024/TB-TLVA ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T về việc thụ lý vụ án của ông Quang Tuấn Th, kế hoạch tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã tạm dừng lại.

Do đó Chủ tịch UBND phường P và UBND phường P đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện giữ nguyên các văn bản mà người bị kiện đã ban hành đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 202, Tòa án nhân dân Thành phố T đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quang Tuấn Th về việc yêu cầu hủy: Thông báo số 19/TB-UBND ngày 23/01/2024 của UBND phường P, thành phố T, Thành phố H về thẩm tra nguồn gốc khu đất ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm cọc mốc để chiếm dụng tại khu phố Long Thuận, phường P; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND phường P, thành phố T, Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th và Quyết định cưỡng chế số 293/QĐ-CCXP

ngày 24/4/2024 của Chủ tịch UBND phường P, thành phố T, Thành phố H về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Quang Tuấn Th phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Thanh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025518 ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố H. Ông Quang Tuấn Th đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông Quang Tuấn Th trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy tất cả các quyết định bị kiện.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Thanh Đ, trình bày: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P đã ban hành các quyết định hành chính để xử lý hành vi vi phạm hành chính của ông Quang Tuấn Th là đúng quy định pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Quang Tuấn Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố T không xem xét Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Do vậy, căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố T, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Về thời hiệu kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Quang Tuấn Th còn trong thời hiệu theo đúng quy định pháp luật.

[2] Xét việc thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố T là đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Theo Thông báo số 19/TB- UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường ban hành về thẩm tra nguồn gốc khu đất ông Quang Tuấn Th tổ chức cắm mốc để chiếm dụng, tại khu phố 3 (trước là khu phố L), phường P.

Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th.

Theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành về giải quyết khiếu nại của ông Quang Tuấn Th (lần đầu). Giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Quang Tuấn Th.

Theo Quyết định số 293/QĐ-CCXP ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Quang Tuấn Th.

Căn cứ Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định:

“2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

a) Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;

*b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và **quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)**; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy;...”*

Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là quyết định liên quan.

Do vậy để giải quyết triệt để được vụ án, cấp sơ thẩm phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P.

Căn cứ Điều 11 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 về bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần phải hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 143, Khoản 3 Điều 241, Điều 348, Điều 349 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quang Tuấn Th.

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 4375/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 202, Tòa án nhân dân Thành phố T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố T xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2- Về án phí:

Hoàn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0027626 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T cho ông Quang Tuấn Th.

Số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án ược xét xử sơ thẩm lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPH;
- Tòa án nhân dân thành phố T;
- Viện kiểm sát nhân dân TPH;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thụy Xuân Vinh